

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 6

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4570/QĐ-UBND

Quận 6, ngày 24 tháng 8 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
Về công nhận kết quả xét tuyển viên chức
ngành Giáo dục và Đào tạo quận 6 năm học 2017 – 2018

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 15/2012/TT-BNV ngày 25 tháng 12 năm 2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tuyển dụng, ký kết hợp đồng làm việc và đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức;

Căn cứ Quyết định số 03/2016/QĐ-UBND ngày 04 tháng 02 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định về tuyển dụng, chuyển công tác viên chức và xếp lương khi bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Nội vụ quận 6 tại Tờ trình số 839/TTr-NV ngày 14 tháng 8 năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả xét tuyển viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo quận 6 năm học 2017 – 2018 đối với 66 (Sáu mươi sáu) người có tên trong danh sách đính kèm theo Quyết định này, kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2017.

Điều 2. Trưởng Phòng Nội vụ quận 6, Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo quận 6 và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thực hiện việc ký kết hợp đồng làm việc, chế độ tập sự (nếu có) và tiến hành bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp đối với người trúng tuyển theo đúng quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận 6, Trưởng Phòng Nội vụ quận 6, Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo quận 6, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và các cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT UBND Q6;
- VP HĐND - UBND Q6;
- Lưu: VT, NV (02 bản).



CHỦ TỊCH

Ngô Thành Luông



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH CÔNG NHẬN KẾT QUẢ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NĂM HỌC 2017 - 2018
(Đính kèm Quyết định số **4570** /QĐ-UBND ngày **24** tháng 8 năm 2017 của UBND quận 6)

Stt	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh		Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Điểm học tập (Hệ số 1)	Điểm tốt nghiệp (Hệ số 1)	Điểm sát hạch (Hệ số 2)	Tổng cộng	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển				Đơn vị
		Nam	Nữ							Vị trí đăng ký dự tuyển	Tên chức danh nghề nghiệp	Mã số	Bậc Hệ số	
1	Trần Kim Thẩm		19/02/1994	Đại học	Giáo dục mầm non	76,7	76,7	190	343,4	Giáo viên mầm non	Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	1	Trường MNRD 1
2	Mai Thảo		27/08/1979	Trung cấp	Sư phạm mầm non	77	57	170	304	Giáo viên mầm non	Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	1	Trường MNRD 2
3	Đặng Hoàng Anh Văn		05/21/1973	Cao đẳng	Sư phạm mầm non	64,1	64,1	172	300,2	Giáo viên mầm non	Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	1	Trường MNRD 2
4	Phan Hoàng Kim Hương		01/12/1995	Trung cấp	Sư phạm mầm non	75	53	136	264	Giáo viên mầm non	Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	1	Trường MNRD 2
5	Huỳnh Thị Bạch Huệ		06/04/1982	Trung cấp	Sư phạm mầm non	80	80	180	340	Giáo viên mầm non	Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	1	Trường MNRD 3
6	Phạm Tạ Phương Quỳnh		04/06/1996	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	72,5	72,5	146	291	Giáo viên mầm non	Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	1	Trường MNRD 3
7	Lê Thúy Trang		11/11/1992	Trung cấp	Sư phạm mầm non	83	83	164	330	Giáo viên mầm non	Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	1	Trường MNRD 4
8	Quách Mỹ Tiên		10/03/1996	Trung cấp	Sư phạm mầm non	78	68	178	324	Giáo viên mầm non	Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	1	Trường MNRD 4
9	Phạm Kim Oanh		09/01/1992	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	69,7	69,7	178	317,4	Giáo viên mầm non	Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	1	Trường MNRD 5A
10	Lê Thị Thu Nhi		01/07/1996	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	73,1	73,1	172	318,2	Giáo viên mầm non	Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	1	Trường MNRD 7
11	Trần Lê Hồng Ngọc		28/10/1997	Trung cấp	Sư phạm mầm non	70,8	60	172	302,8	Giáo viên mầm non	Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	1	Trường MNRD 7
12	Huỳnh Trúc Linh		13/06/1996	Trung cấp	Sư phạm mầm non	84	95	196	375	Giáo viên mầm non	Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	1	Trường MNRD 8
13	Mai Thị Huyền Trang		11/03/1991	Trung cấp	Sư phạm mầm non	71	75	186	332	Giáo viên mầm non	Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	1	Trường MNRD 8
14	Trần Thanh Thúy		11/14/1988	Trung cấp	Sư phạm mầm non	72,6	55	190	317,6	Giáo viên mầm non	Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	1	Trường MNRD 8
15	Nguyễn Thị Hoàng Phương		03/03/1990	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	70,6	70,6	180	321,2	Giáo viên mầm non	Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	1	Trường MNRD 9



Stt	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh		Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Điểm học tập (Hệ số 1)	Điểm tốt nghiệp (Hệ số 1)	Điểm sát hạch (Hệ số 2)	Tổng cộng	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển				Đơn vị	
		Nam	Nữ							Vị trí đăng ký dự tuyển	Tên chức danh nghề nghiệp	Mã số	Bậc		Hệ số
16	Nguyễn Hoàng Như Ý		10/10/1994	Trung cấp	Sư phạm mầm non	73	75	188	336	Giáo viên mầm non	Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	1	1,86	Trường MNRD 9A
17	Hồng Mỹ Hương		23/05/1996	Trung cấp	Sư phạm mầm non	69	68	188	325	Giáo viên mầm non	Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	1	1,86	Trường MNRD 9A
18	Nguyễn Thị Kim Thi		23/08/1990	Trung cấp	Sư phạm mầm non	82	83	188	353	Giáo viên mầm non	Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	1	1,86	Trường MNRD 10
19	Nguyễn Kim Thanh Nhân		24/06/1995	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	69	69	186	324	Giáo viên mầm non	Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	1	1,86	Trường MNRD 10
20	Nguyễn Ngọc Thanh Hương		27/04/1985	Trung cấp	Giáo dục mầm non	82	85	192	359	Giáo viên mầm non	Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	1	1,86	Trường MNRD 11
21	Cao Phạm Tuyết Hoa		24/12/1978	Trung cấp	Sư phạm mầm non	75	75	188	338	Giáo viên mầm non	Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	1	1,86	Trường MNRD 11
22	Lý Thị Mỹ Nga		09/04/1990	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	73,8	73,8	190	337,6	Giáo viên mầm non	Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	1	1,86	Trường MNRD 11
23	Võ Thị Tuyết Lan		30/10/1979	Cao đẳng	Sư phạm mầm non	74,3	74,3	188	336,6	Giáo viên mầm non	Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	1	1,86	Trường MNRD 11
24	Lưu Thị Ngọc Hà		09/09/1995	Trung cấp	Sư phạm mầm non	83	83	190	356	Giáo viên mầm non	Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	1	1,86	Trường MNRD 12
25	Kiểm Lê Phương Quỳnh		12/13/1995	Đại học	Giáo dục mầm non	69,5	69,5	176	315	Giáo viên mầm non	Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	1	1,86	Trường MNRD 12
26	Võ Thị Kiều Hương		04/05/1984	Trung cấp	Sư phạm mầm non	71,7	61	170	302,7	Giáo viên mầm non	Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	1	1,86	Trường MNRD 12
27	Trương Thị Hoàng Yến		02/20/1994	Đại học	Giáo dục mầm non	77,7	77,7	184	339,4	Giáo viên mầm non	Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	1	1,86	Trường MNRD 13
28	Lê Kim Ngân		07/05/1990	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	74,6	74,6	182	331,2	Giáo viên mầm non	Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	1	1,86	Trường MNRD 13
29	Dương Thị Diễm Chi		10/09/1972	Trung cấp	Sư phạm mầm non	86	73	178	337	Giáo viên mầm non	Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	1	1,86	Trường MNRD 14
30	Hà Huệ Hằng		19/03/1989	Đại học	Tâm lý giáo dục	76,9	76,9	198	351,8	Giáo viên	Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	1	1,86	Trường Hy Vọng
31	Huỳnh Ngọc Trâm		12/11/1992	Cao đẳng	Giáo dục đặc biệt	67,3	67,3	162	296,6	GV Giáo dục chuyên biệt	Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	1	1,86	Trường Hy Vọng
32	Lê Thanh Trúc		03/05/1995	Đại học	Giáo dục Tiểu học	77,6	77,6	180	335,2	Giáo viên tiểu học dạy nhiều môn	Giáo viên tiểu học hạng IV	V.07.03.09	1	1,86	Trường TH Châu Văn Liêm
33	Võ Thị Anh Thư		10/04/1994	Cao đẳng	Giáo dục Tiểu học	76,6	76,6	186	339,2	Giáo viên tiểu học dạy nhiều môn	Giáo viên tiểu học hạng IV	V.07.03.09	1	1,86	Trường TH Hùng Vương
34	Cao Thị Huỳnh Giao		22/09/1990	Cao đẳng	Giáo dục Tiểu học	64,4	64,4	162,5	291,3	Giáo viên tiểu học dạy nhiều môn	Giáo viên tiểu học hạng IV	V.07.03.09	1	1,86	Trường TH Lê Văn Tám

Stt	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh		Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Điểm học tập (Hệ số 1)	Điểm tốt nghiệp (Hệ số 1)	Điểm sát hạch (Hệ số 2)	Tổng cộng	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển			
		Nam	Nữ							Vị trí đăng ký dự tuyển	Tên chức danh nghề nghiệp	Mã số	Bậc Hệ số
35	Nguyễn Thị Thanh Nhân		20/01/1993	Đại học	Giáo dục Tiểu học	80,1	80,1	169,5	329,7	Giáo viên tiểu học dạy nhiều môn	Giáo viên tiểu học hạng IV	V.07.03.09	1,86
36	Hà Thị Linh		28/05/1985	Đại học	Sư phạm Tiểu học	67,3	67,3	167,5	302,1	Giáo viên tiểu học dạy nhiều môn	Giáo viên tiểu học hạng IV	V.07.03.09	1,86
37	Thái Thị Thanh Thủy		26/06/1973	Trung cấp	Thư viện Thông Tin	78	82	161	321	Nhân viên Thư viện	Thư viên hạng IV	V.10.02.07	1,86
38	Lê Thị Kim Xuân		17/09/1987	Cao đẳng	Giáo dục Tiểu Học	75,9	75,9	172	323,8	Giáo viên tiểu học dạy nhiều môn	Giáo viên tiểu học hạng IV	V.07.03.09	1,86
39	Nguyễn Tường Kha		27/03/1991	Cao đẳng	Sư phạm Âm nhạc	68,8	68,8	103	240,6	GV TH dạy Âm nhạc	Giáo viên tiểu học hạng IV	V.07.03.09	1,86
40	Phạm Thị Thu Trang		04/05/1992	Đại học	Giáo dục Tiểu học	76,8	76,8	150	303,6	Giáo viên tiểu học dạy nhiều môn	Giáo viên tiểu học hạng IV	V.07.03.09	1,86
41	Nguyễn Thùy Minh Châu		14/04/1983	Đại học	Giáo dục Tiểu học	68,4	68,4	153	289,8	Giáo viên tiểu học dạy nhiều môn	Giáo viên tiểu học hạng IV	V.07.03.09	1,86
42	Lư Thùy Hương		08/06/1992	Đại học	Giáo dục Tiểu học	77,7	77,7	166	321,4	Giáo viên tiểu học dạy nhiều môn	Giáo viên tiểu học hạng IV	V.07.03.09	1,86
43	Nguyễn Thị Ánh Phương		05/04/1992	Cao đẳng	Giáo dục Tiểu học	73,7	73,7	158	305,4	Giáo viên tiểu học dạy nhiều môn	Giáo viên tiểu học hạng IV	V.07.03.09	1,86
44	Nguyễn Ngọc Thùy Trán		05/04/1996	Cao đẳng	Giáo dục Tiểu học	81,4	81,4	172	334,8	Giáo viên tiểu học dạy nhiều môn	Giáo viên tiểu học hạng IV	V.07.03.09	1,86
45	Nguyễn Thị Hoa		02/08/1994	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	67,8	75	143	285,8	GV THCS dạy Ngữ văn	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.12	2,10
46	Cao Thị Chung		20/02/1986	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	73,8	73,8	138	285,6	GV THCS dạy Ngữ văn	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.12	2,10
47	Tăng An Thanh	13/10/1996		Cao đẳng	Sư phạm Tiếng Anh	75,5	75,5	148	299	GV THCS dạy Tiếng Anh	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.12	2,10
48	Đặng Thành Trung	04/07/1989		Đại học (Thạc sĩ)	Sư phạm Toán học	75,1	75,1	144	294,2	GV THCS dạy Toán	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.12	2,41
49	Trần Thị Huệ Chi		17/04/1979	Đại học (Thạc sĩ)	Toán - Tin học	70,3	70,3	152	292,6	GV THCS dạy Toán	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.12	2,41
50	Nguyễn Thị Ngọc Huyền		26/09/1994	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	69	69	166	304	GV THCS dạy Tiếng Anh	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.12	2,10
51	Bành Phan Tấn Tài	27/11/1992		Đại học	Sư phạm Tin học	66,4	66,4	146	278,8	GV THCS dạy Tin học	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.12	2,10
52	Trần Minh Vũ	08/01/1981		Cao đẳng	Cao đẳng CNTT	71	73	179	323	GV THCS Tổng phụ trách	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.12	2,10
53	Dương Thị Thảo		10/03/1993	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	68,1	68,1	160	296,2	GV THCS dạy Ngữ văn	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.12	2,10



Stt	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh		Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Điểm học tập (Hệ số 1)	Điểm tốt nghiệp (Hệ số 1)	Điểm sát hạch (Hệ số 2)	Tổng cộng	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển				Đơn vị	
		Nam	Nữ							Vị trí đăng ký dự tuyển	Tên chức danh nghề nghiệp	Mã số	Bậc		Hệ số
54	Trần Thị Cẩm Tú		04/11/1979	Cao đẳng	Sư phạm Ngữ văn	62,7	62,7	102	227,4	GV THCS dạy Ngữ văn	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.12	1	2,10	Trường THCS Lam Sơn
55	Bùi Thị Thơm		03/02/1988	Đại học	Sư phạm Toán học	71	71	166	308	GV THCS dạy Toán	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.12	1	2,10	Trường THCS Nguyễn Đức Cảnh
56	Nguyễn Thị Minh Xuân		19/12/1979	Đại học (Thạc sĩ)	Sư phạm Ngữ Văn	61,5	61,5	173	296	GV THCS dạy Ngữ văn	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.12	2	2,41	Trường THCS Nguyễn Văn Luồng
57	Nguyễn Thùy Linh		20/01/1994	Đại học	Sư phạm Vật lý	85,3	85,3	154	324,6	GV THCS dạy Vật lý	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.12	1	2,10	Trường THCS Nguyễn Văn Luồng
58	Nguyễn Ngọc Thủy Trúc		18/03/1996	Cao đẳng	Giáo dục công dân	73,5	73,5	192	339	GV THCS dạy GDCD	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.12	1	2,10	Trường THCS Nguyễn Văn Luồng
59	Đinh Thị Thoa		02/09/1991	Đại học	Văn học	68,9	68,9	150	287,8	GV THCS dạy Ngữ văn	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.12	1	2,10	Trường THCS Phạm Đình Hổ
60	Thái Kim Hương		02/07/1973	Đại học	Tiếng Anh	63,6	60	186	309,6	GV THCS dạy Tiếng Anh	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.12	1	2,10	Trường THCS Phạm Đình Hổ
61	Lương Thị Tôn		08/09/1992	Đại học	Sư phạm Lịch sử	70,8	70,8	188	329,6	GV THCS dạy Lịch sử	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.12	1	2,10	Trường THCS Phú Định
62	Lê Trần Thành	23/10/1988		Đại học	Công nghệ thông tin	67,3	67,3	192	326,6	GV THCS dạy Tin học	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.12	1	2,10	Trường THCS Phú Định
63	Phạm Huỳnh Trang		10/05/1993	Đại học	Ngôn ngữ Anh	76,2	76,2	188	340,4	GV THCS dạy Tiếng Anh	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.12	1	2,10	Trường THCS Phú Định
64	Trần Vương Triệu	09/11/1990		Đại học	Giáo dục Thể chất	59,5	59,5	190	309	GV THCS dạy Thể dục	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.12	1	2,10	Trường THCS Phú Định
65	Võ Phạm Thu Tuyền		06/02/1983	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	71,7	71,7	170	313,4	GV THCS dạy Tiếng Anh	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.12	1	2,10	Trường THCS Văn Thân
66	Kiều Thị Dung		05/10/1994	Đại học	Sư phạm Lịch sử	74,8	74,8	158	307,6	GV THCS dạy Lịch sử	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.12	1	2,10	Trường THCS Hoàng Lê Kha

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6

